

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22BITS**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH04226**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tiếng anh**

Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801012797	Huỳnh Ngọc	Anh	08/07/1987			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
2	2253801012798	Nguyễn Văn	Bảo	20/10/1997			7	9.5	7.0	8.5			9.4		8.8
3	2253801012799	Dương Văn	Bông	18/11/1982			8	9	9.5	9.0			9.2		9.1
4	2253801012800	Nguyễn Thành	Chu	08/06/1962			8.5	9.5	10.0	8.0			9.2		9.1
5	2253801012801	Phạm Văn	Duyên	31/12/1972			9	9.5	10.0	7.0			9.4		9.1
6	2253801012802	Nguyễn Thành	Đạt	05/09/2001			0	0	0.0	0.0			0.0	0.0	0.0
7	2253801012803	Lê Thanh	Diễn	11/11/1985			7.5	9.5	9.5	8.5			9.4		9.2
8	2253801012805	Nguyễn Văn	Hậu	25/05/2002			8	9	9.0	8.5			9.8		9.3
9	2253801012806	Phạm Thái	Hòa	12/06/1988			7.5	8.5	8.5	7.0			9.0		8.5
10	2253801012807	Đinh Thị Thu	Hương	06/11/2001			10	9	9.5	8.5			9.6		9.4
11	2253801012809	Tô Nam	Khang	30/03/1993			10	9.5	8.5	8.5			8.8		8.8
12	2253801012811	Nguyễn Hoàng Minh	Khoa	19/07/2004			8.5	9.5	8.5	8.5			9.6		9.2
13	2253801012813	Lê Nhựt Diệu	Lành	07/07/2006			8	9.5	9.5	9.0			9.4		9.3
14	2253801012814	Phạm Kim	Liên	21/07/1992			10	10	10.0	9.0			9.8		9.7
15	2253801012815	Lê Văn	Lực	13/02/1988			9	9.5	10.0	8.5			9.8		9.6
16	2253801012817	Khuru Trần Võ	Nghĩa	24/12/1973			9.5	9	10.0	8.5			8.8		9.0
17	2253801012819	Nguyễn Thị Cẩm	Như	05/08/2001			7.5	8	9.0	5.0			9.6		8.7
18	2253801012820	Trang Quốc	Pháp	06/08/2001			7.5	9	9.0	8.5			9.6		9.2
19	2253801012821	Nguyễn Văn	Phước	05/07/1968			8	9.5	7.5	8.5			9.6		9.1

Châu Đốc, ngày 11 tháng 10 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Lộc Thủy Tiên